

Số: /SGDDT-QLCL
V/v hướng dẫn thực hiện một số nội
dung tiêu chí xã nông thôn mới, nông
thôn mới hiện đại thuộc lĩnh vực GDĐT
giai đoạn 2026-2030

Hải Phòng, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

Căn cứ Thông tư số 42/2026/TT-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí về giáo dục và đào tạo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi là Thông tư số 42); Công văn số 2673/BGDĐT-VP ngày 15/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu phát triển GDĐT được giao tại Kết luận số 18-KL/TW và Nghị quyết số 109/NQ-CP; Công văn số 3185/BGDĐT-KHTC ngày 31/5/2026 của Bộ GDĐT về Hướng dẫn một số nội dung về GDĐT thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ 2026 đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại thuộc lĩnh vực GDĐT đối với các xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Hướng dẫn này áp dụng đối với các xã tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại trên địa bàn thành phố Hải Phòng; các xã được phân loại để áp dụng chỉ tiêu theo Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt danh sách xã nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 để thực hiện xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

II. NỘI DUNG TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Nội dung tiêu chí 4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ

- Xã được đánh giá đạt nội dung tiêu chí “4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” khi đạt yêu cầu sau:

+ Xã nhóm 1: Đạt từ 54% trở lên;

+ Xã nhóm 2: Đạt từ 52% trở lên.

- Khái niệm, cách tính: Thực hiện theo quy định tại Công văn số 2673/BGDDT-VP ngày 15/5/2026 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu phát triển GDĐT được giao tại Kết luận số 18-KL/TW và Nghị quyết số 109/NQ-CP;

- Hồ sơ minh chứng: Danh sách lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (có xác nhận của Trưởng ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã tại thời điểm xác định xã nông thôn mới).

2. Nội dung tiêu chí 4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông (THPT)

- Xã được đánh giá đạt nội dung tiêu chí “4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau THPT” khi đạt yêu cầu sau:

+ Xã nhóm 1: Đạt từ 68% trở lên;

+ Xã nhóm 2: Đạt từ 55% trở lên.

- Khái niệm, phương pháp tính/đánh giá, hồ sơ minh chứng đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42.

3. Nội dung tiêu chí 5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục

3.1. Tỷ lệ trường học các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (THCS) hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS đạt chuẩn quốc gia

- Yêu cầu chỉ tiêu:

+ Xã nhóm 1: Đạt từ 90 % trở lên;

+ Xã nhóm 2: Đạt từ 80 % trở lên.

- Khái niệm, phương pháp tính/đánh giá, hồ sơ minh chứng đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42.

3.2. Đạt phổ cập giáo dục (PCGD) mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

- Yêu cầu chỉ tiêu:

Tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm và quy trình công nhận xã đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi được quy định tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về PCGD mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Hồ sơ minh chứng: Phiếu thống kê dữ liệu kết xuất từ Hệ thống thông tin quản lý PCGD của Bộ GDĐT (có xác nhận của Trưởng ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã).

3.3. Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi

- Yêu cầu chỉ tiêu:

Tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm và quy trình công nhận xã duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ từ 5 đến 6 tuổi được quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Hồ sơ minh chứng: Phiếu thống kê dữ liệu kết xuất từ Hệ thống thông tin quản lý PCGD của Bộ GDĐT (có xác nhận của Trưởng ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã).

3.4. Giáo dục bắt buộc hết THCS

- Yêu cầu chỉ tiêu: Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục THCS đạt 100%.

- Khái niệm, phương pháp tính/đánh giá, hồ sơ minh chứng đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42.

3.5. Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp THPT và tương đương

- Yêu cầu chỉ tiêu:

+ Xã nhóm 1: Đạt từ 90%;

+ Xã nhóm 2: Đạt từ 85%.

- Khái niệm, phương pháp tính/đánh giá, hồ sơ minh chứng đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42.

3.6. Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp THCS được tiếp tục học THPT và các trình độ khác

- Yêu cầu chỉ tiêu:

+ Xã nhóm 1: Đạt từ 90%;

+ Xã nhóm 2: Đạt từ 85%;

- Khái niệm, phương pháp tính/đánh giá, hồ sơ minh chứng đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42.

3.7. Xây dựng Trung tâm học tập cộng đồng thành Trung tâm học tập số

- Yêu cầu chỉ tiêu: Trung tâm có ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị và hoạt động cung cấp các chương trình học tập trên nền tảng số. Xã đạt nội dung tiêu chí này khi đạt được ít nhất 4/6 chỉ số sau:

+ Chỉ số 1: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng;

+ Chỉ số 2: Có sử dụng hệ thống phần mềm để giới thiệu, học tập và theo dõi học tập bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến;

+ Chỉ số 3: Hằng năm tương ứng với mỗi nhóm xã (xã nhóm 1 và xã nhóm 2) huy động ít nhất 5 % và 3 % tỷ lệ gia tăng số lượt người học các chương trình giáo dục thường xuyên (GDTX) tại trung tâm học tập cộng đồng;

+ Chỉ số 4: Có hệ thống trang thông tin điện tử, trang web hoặc hệ thống cung cấp thông tin các khóa học tập trên nền tảng số khác;

+ Chỉ số 5: Tỷ lệ tài liệu học tập được số hóa, lưu trữ trên nền tảng số: Xã nhóm 1 đạt $\geq 70\%$; Xã nhóm 2 đạt $\geq 50\%$;

+ Chỉ số 6: Tỷ lệ các lớp học được tổ chức bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến: Xã nhóm 1 đạt $\geq 30\%$; Xã nhóm 2 đạt $\geq 20\%$;

- Hồ sơ minh chứng, nguồn số liệu: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42 (minh chứng kỹ thuật về tài khoản/giao diện phần mềm; Danh mục tài liệu số hóa; Kế hoạch, thời khóa biểu, sổ quản lý lớp học và danh sách học viên ký xác nhận tham gia).

3.8. Đạt chuẩn xóa mù chữ (XMC) mức độ 2

- Tiêu chuẩn công nhận xã đạt chuẩn XMC mức độ 2; các điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận xã đạt chuẩn XMC mức độ 2 theo quy định hiện hành của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ GDĐT về PCGD, XMC.

- Hồ sơ minh chứng:

Quyết định công nhận xã đạt chuẩn PCGD, XMC.

Phiếu thống kê dữ liệu kết xuất từ Hệ thống thông tin quản lý PCGD-XMC của Bộ GD&ĐT (có xác nhận của Trưởng ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã).

III. NỘI DUNG TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI

Xã nông thôn mới hiện đại về giáo dục, ngoài đạt các tiêu chí xã nông thôn mới còn phải đạt các tiêu chí sau:

1. Nội dung Tiêu chí 2: Nông nghiệp thông minh và phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.2. Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo, tập huấn kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh trực tuyến đạt từ 25% trở lên.

Minh chứng: Danh sách lao động được tập huấn kỹ năng số, biết ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (có xác nhận của Trưởng ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã).

2.5. Có ít nhất 01 mô hình trường học ứng dụng công nghệ AI trong dạy học.

Hồ sơ minh chứng: Trường có phòng học được trang bị máy tính cho giáo viên và học sinh kết nối mạng tốc độ cao; có màn hình tương tác thông minh, thiết

bị ghi hình phục vụ học liệu số; có chương trình và phương pháp học ứng dụng AI; phần mềm AI hỗ trợ giáo viên, kho học liệu số, bài giảng điện tử, dữ liệu học tập; giáo viên có kỹ năng sử dụng AI vào dạy học.

2. Nội dung Tiêu chí 3: Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn

3.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 60% trở lên.

Hồ sơ minh chứng: Danh sách lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ có xác nhận của Trưởng ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã xây dựng lộ trình hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực GDĐT; cân đối nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng số, xây dựng chuẩn quốc gia, thực hiện công tác đào tạo nghề, phổ cập giáo dục, xóa mù chữ,... Căn cứ kết quả đạt được, hoàn thiện hồ sơ minh chứng và điền số liệu trực tiếp vào biểu mẫu đính kèm Hướng dẫn này. Bản hồ sơ gửi về Sở GDĐT trước ngày 15 tháng 10 hằng năm. UBND xã chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

2. Sở GDĐT phối hợp tổ chức thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế tại địa phương, ban hành văn bản xác nhận kết quả đạt tiêu chí giáo dục để hội đồng thẩm định nông thôn mới Thành phố tổng hợp.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các xã kịp thời báo cáo về Sở GDĐT (qua Phòng Quản lý chất lượng) để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- UBND Thành phố (để b/c);
- UBND xã (để th.hiện);
- Lưu: VT, QLCL.

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Việt

PHỤ LỤC:**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ:****XÃ NHÓM****BIỂU MẪU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
NÔNG THÔN MỚI VỀ GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2026-2030***(Kèm theo Hướng dẫn số/HD-SGDĐT ngày/...../2026
của Sở GDĐT Hải Phòng)*

Chỉ tiêu	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả	
		Tỷ lệ	Đạt/ không đạt
4.1	Tỷ lệ người lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ		
4.2	Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau THPT		
5.2	Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục		
1	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia		
2	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.		
3	Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi		
4	Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở		
5	Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp THPT và tương đương		
6	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT và các trình độ khác		
7	Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số.		
	Chỉ số 1		
	Chỉ số 2		
	Chỉ số 3		
	Chỉ số 4		
	Chỉ số 5		
	Chỉ số 6		
8	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2		
9	Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo, tập huấn kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh trực tuyến		

10	Có ít nhất 01 mô hình trường học ứng dụng công nghệ AI trong dạy học		
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ		

....., ngày tháng năm 20....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)